

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2024/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo đề cương
chi tiết Luật kèm
hồ sơ lập đề nghị
xây dựng Luật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN; LUẬT KẾ TOÁN; LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP; LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC; LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG; LUẬT QUẢN LÝ THUẾ; LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được bãi bỏ một số điều theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

1. Bổ sung Điều 9a vào sau Điều 9 (về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo) như sau:

Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ hoặc tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo; cụ thể quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ, tổ chức tư vấn hồ sơ, tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, tổ chức bảo lãnh phát hành, các tổ chức, cá nhân ký xác nhận,... liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 (về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) như sau:

Đối với công ty có vốn điều lệ đã góp trên 100 tỷ đồng thì phải có thời gian hoạt động tối thiểu 02 năm.

Đối với cá nhân, bổ sung quy định (i) phải tham gia đầu tư chứng khoán trong thời gian tối thiểu 02 năm, có tần suất giao dịch tối thiểu 10 lần mỗi quý trong 04 quý gần nhất; (ii) có thu nhập tối thiểu 01 tỷ đồng/ năm trong 02 năm gần nhất.

Bổ sung thêm quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp gồm nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Bổ sung thêm quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 12 (các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán) như sau:

Luật hóa quy định về hành vi thao túng thị trường chứng khoán từ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP bao gồm cụ thể các hành vi như mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường; đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch hoặc thông đồng với nhau giao dịch mua, bán chứng khoán mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự...

Bổ sung hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến giao dịch của người nội bộ công ty đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan trong việc không công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đại chúng.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 15 (chào bán chứng khoán ra công chúng) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 (chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng) như sau:

Bổ sung ngoại trừ chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu thì không phải đạt tỷ lệ tối thiểu 70% số cổ phiếu được chào bán trong trường hợp chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 (chào bán trái phiếu ra công chúng) như sau:

Bổ sung điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải có tài sản đảm bảo hoặc được bảo lãnh ngân hàng theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp tổ chức tín dụng chào bán trái phiếu là nợ thứ cấp thỏa mãn các điều kiện đề được tính vào vốn cấp 2 và có đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của Chính phủ.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 (Hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng) như sau:

Bổ sung quy định về một số trường hợp hủy bỏ đợt chào bán như phát hiện đợt chào bán trái phiếu, chứng quyền có bảo đảm ra công chúng vi phạm quy định, và ngoại trừ đối với cổ phiếu đã đưa vào niêm yết, đăng ký giao dịch thì không bị hủy bỏ,...

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 (chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng) như sau:

Bổ sung rõ Đại hội đồng cổ đông phải quyết định về số lượng cổ phiếu, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán; tăng thời gian hạn chế chuyển nhượng từ 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp lên thành 03 năm tương ứng với nhà đầu tư chiến lược (khoản 1 Điều 31); đối với điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ, quy định đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức, việc chuyển nhượng trái phiếu chào bán riêng lẻ chỉ được thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức (điểm b, c khoản 2 Điều 31).

7. Bổ sung Điều 31a sau Điều 31 quy định về đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ tương ứng với chào bán chứng khoán ra công chúng.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 32 (điều kiện đăng ký công ty đại chúng) như sau:

Sửa đổi quy định về công ty đại chúng phải không chỉ có vốn điều lệ đã góp mà phải có vốn chủ sở hữu từ 30 tỷ đồng trở lên.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 (hồ sơ đăng ký công ty đại chúng) như sau:

Bổ sung tài liệu đăng ký công ty đại chúng phải có xác nhận của tổ chức kiểm toán về việc góp vốn điều lệ, tăng vốn và sử dụng vốn đến thời điểm đăng ký công ty đại chúng, xác nhận của cơ quan đăng ký kinh doanh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho công ty đại chúng; giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ đăng ký công ty đại chúng, trình tự, thủ tục xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 37 theo hướng bổ sung quy định ngoại trừ mua lại cổ phiếu bắt buộc đối với trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động nghỉ việc theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 Điều 38 quy định về hủy tư cách công ty đại chúng theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, quy định về hủy tư cách công ty đại chúng đối với một số trường hợp phát sinh trong thực tiễn thi hành.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 39 (quy định về hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng) như sau:

Chỉnh sửa lại một số tài liệu trong hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng để đảm bảo khả thi trong thực tiễn (như Danh sách cổ đông đối với công ty chưa đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ...).

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 (về Thành lập và hoạt động của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) theo hướng thành lập công ty con

của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tổ chức, phân công thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con theo quy định của Luật này trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 56 (về Thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) như sau:

Chỉnh sửa theo hướng làm rõ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được làm thành viên bù trừ cả trên thị trường phái sinh và thị trường chứng khoán cơ sở.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63 (về Bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán) theo hướng hoạt động bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán tiền và chứng khoán được thực hiện thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 110 (về hạn chế đối với quỹ đại chúng) như sau:

Mở rộng hạn chế đầu tư của quỹ lên 15% đối với đầu tư vào chứng khoán của 01 tổ chức phát hành; và 35% vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau.

17. Bãi bỏ Điều 23 (về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng), khoản 3 Điều 48 (về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 (về đối tượng áp dụng Luật) như sau:

“2. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức, cơ quan, đơn vị khác là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; đơn vị hoạt động theo pháp luật về hội; tổ chức nghề nghiệp; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; đơn vị có các hoạt động huy động, đóng góp nguồn lực xã hội không vì mục đích lợi nhuận.

4. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.”

2. Sửa đổi tên Điều 7 và sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 7 (về chuẩn mực kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán) như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 7 thành: “**Điều 7. Chuẩn mực về kế toán và Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán**”.

b) Sửa đổi khoản 1 và khoản 3 như sau:

“1. Chuẩn mực về kế toán là Chuẩn mực để lập và trình bày báo cáo tài chính, gồm:

a) Chuẩn mực về kế toán của Việt Nam;

b) Chuẩn mực quốc tế về kế toán do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành.

3. Bộ Tài chính quy định Chuẩn mực về kế toán của Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán Việt Nam trên cơ sở Chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; Hướng dẫn đối tượng, phạm vi, lộ trình, thể thức và các nội dung khác liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán tại Việt Nam.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 (về chữ viết và chữ số sử dụng trong kế toán) như sau:

“1. Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Tài liệu kế toán bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Các loại tài liệu kế toán giống nhau về nội dung, biểu mẫu thì chỉ phải dịch một lần.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 (về kỳ kế toán) như sau:

“4. Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian không quá 3 tháng thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải không quá 15 tháng.”.

5. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 16 (về nội dung chứng từ kế toán) như sau:

~~“d) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;”.~~

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 (về ký chứng từ kế toán) như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 19 như sau: “**Điều 19. Ký và xác nhận chứng từ kế toán**”.

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử hoặc hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật giao dịch điện tử.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 (về sổ kế toán) như sau:

“2. Sổ kế toán phải ghi rõ tên đơn vị kế toán; tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng, người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; số trang; đóng dấu giáp lai.”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2, bổ sung điểm đ, e khoản 2, sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 29 (về báo cáo tài chính) như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“2. Việc lập báo cáo tài chính của đơn vị kế toán được thực hiện như sau:

d) Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng, người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Người ký báo cáo tài chính phải chịu trách nhiệm về nội dung của báo cáo.”.

b) Bổ sung điểm đ, e khoản 2 như sau:

“đ) Đối với các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kinh doanh, ngoại trừ các đơn vị kế toán có quy mô vừa, nhỏ, siêu nhỏ theo quy định của pháp luật: Chuẩn mực về kế toán và Chế độ kế toán mà đơn vị áp dụng là căn cứ để lập và trình bày Báo cáo tài chính của đơn vị. Các loại báo cáo lập theo các quy định khác với Chuẩn mực về kế toán và Chế độ kế toán không được coi là báo cáo tài chính theo quy định của Luật này.

e) Đơn vị kế toán có quy mô vừa, nhỏ, siêu nhỏ theo quy định của pháp luật lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chế độ kế toán đơn giản.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật. Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán thuộc khoản 2 Điều 2 Luật này phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41 (về Bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán) như sau:

“4. Người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán.”.

10. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 50 (về Trách nhiệm của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán) như sau: **“Điều 50. Trách nhiệm của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán”.**

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51 (về Tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán) như sau:

“2. Người làm kế toán có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán; Có quyền bảo lưu ý kiến của mình bằng văn bản hoặc các hình thức khác có thể kiểm chứng được. Trường hợp người làm kế toán có ý kiến khác với cấp trên và đã bảo lưu ý kiến của mình thì không phải chịu trách nhiệm về các sai phạm khi chấp hành ý kiến chỉ đạo của cấp trên.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 53 (về Kế toán trưởng) như sau:

“2. Kế toán trưởng của đơn vị kế toán thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Luật này và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ngoài nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị giám sát tài chính tại đơn vị kế toán.

3. Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; trường hợp có đơn vị kế toán cấp trên thì đồng thời chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của kế toán trưởng của đơn vị kế toán cấp trên về chuyên môn, nghiệp vụ.”.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a, d khoản 3 Điều 55 (về Trách nhiệm và quyền của kế toán trưởng) như sau:

“3. Kế toán trưởng của đơn vị kế toán thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Luật này và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, ngoài các quyền quy định tại khoản 2 Điều này còn có các quyền sau đây:

a) Có ý kiến bằng văn bản với người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;

d) Báo cáo bằng văn bản cho người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2, khoản 3, khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 71 (về quản lý Nhà nước về kế toán) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 Điều 71 như sau:

“2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược, chính sách phát triển kế toán; ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kế toán;

b) Ban hành theo thẩm quyền Chuẩn mực về kế toán của Việt Nam, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, Chế độ kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác về kế toán; ”.

b) Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 71 như sau:

“3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về kế toán trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán cho các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật kế toán đối với các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này, chịu trách nhiệm ban hành chế độ kế toán hoặc các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực về kế toán quy định trong Luật này.”.

c) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán thuộc phạm vi quản lý tại địa phương:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán cho các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật kế toán và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán đối với các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực kế toán thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán độc lập

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ, điểm i khoản 2 Điều 11

Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 11 để đồng bộ quy định sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 60.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5, bãi bỏ khoản 4 Điều 16

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5, bãi bỏ khoản 4 Điều 16 theo hướng quy định chặt chẽ, rõ ràng hơn các đối tượng không được hành nghề kiểm toán.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của kiểm toán viên tại khoản 3 Điều 18 theo hướng thay đổi thời gian ký báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên cho một khách hàng cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Quy định này để giúp kiểm toán viên tuân thủ tốt hơn chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, đảm bảo tính độc lập khi thực hiện công tác kiểm toán.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 29

Sửa đổi trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 theo hướng:

(1) Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải có tối thiểu 5 kiểm toán viên hành nghề tại trụ sở chính, dù có chi nhánh hay không;

(2) Thay đổi thời gian ký báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên cho một khách hàng cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức kế toán, kiểm toán. Quy định này là để các doanh nghiệp kiểm toán duy trì tốt hơn hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng sự ổn định của thị trường, đảm bảo duy trì tính độc lập với đơn vị được kiểm toán.

5. Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 Điều 37

Bổ sung theo hướng tăng thêm đối tượng cần phải được kiểm toán hàng năm, do các đối tượng phải được kiểm toán theo Điều 37 của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành chưa bao trùm hết các doanh nghiệp, tổ chức có quy mô lớn, có các giao dịch phức tạp, có số lượng lao động lớn, doanh thu hoạt động cao, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế. Đồng thời, để đảm bảo tính đầy đủ, dự thảo Luật bổ sung thêm quy định về đối tượng khác phải được kiểm toán là các doanh nghiệp, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 39

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán tại khoản 8 Điều 39 theo hướng đồng bộ với các quy định ở cả khoản 3 Điều 18 và khoản 8 Điều 39 của dự thảo Luật sửa đổi để xác định rõ trách nhiệm của cả doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán, nếu vi phạm thì sẽ có chế tài xử phạt cả doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 53

Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định doanh nghiệp, tổ chức có quy mô lớn là đơn vị có lợi ích công chúng để đảm bảo tính thống nhất với Điều 37 sửa đổi.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54

Sửa đổi, bổ sung theo hướng giao Chính phủ thay vì Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, điều kiện được kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng để phù hợp, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, dự kiến Chính phủ sẽ quy định điều kiện chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán phải có ít nhất 05 kiểm toán viên hành nghề khi kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng (điều kiện khắt khe hơn so với điều kiện chung là chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán phải có ít nhất 02 kiểm toán viên hành nghề khi kiểm toán một đơn vị thông thường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Kiểm toán độc lập).

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 60

Sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực kiểm toán độc lập lên thành 5 năm và tăng thêm mức xử phạt để răn đe hơn, hạn chế các vi phạm có thể phát sinh, do một số vi phạm gần đây của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán đã gây ra các tác động lớn, ảnh hưởng lớn tới các nhà đầu tư, các bên cho vay nói riêng và lợi ích công chúng nói chung, làm giảm uy tín của ngành kiểm toán.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

1. Dự kiến bổ sung điểm d khoản 9 Điều 9 và sửa đổi, bổ sung các Điều 36 và Điều 38 và 59 liên quan đến quy định cho phép địa phương sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của ngân sách cấp trên trực tiếp trên địa bàn; hỗ trợ địa phương khác để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng có tính chất Vùng và liên Vùng; bổ sung quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương về chi viện trợ.

2. Dự kiến bổ sung một khoản tại Điều 8 và sửa đổi Điều 59 liên quan đến quy định chi ngân sách nhà nước từ nguồn chi đầu tư công, chi thường xuyên cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; chi phí lập, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, tổ chức quy hoạch, thẩm định, công bố, rà soát, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch; mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Dự kiến bổ sung thêm 1 điểm vào khoản 5 Điều 19, bổ sung thêm 1 điểm vào khoản 2 Điều 30, sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 8 và sửa đổi, bổ sung một điểm tại khoản 1 Điều 36 và Điều 38 liên quan đến quy định làm rõ phạm vi chi đầu tư phát triển, gồm có chi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các khoản chi đầu tư phát triển khác.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 26 (về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công).

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 (về Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước).

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, bổ sung khoản 7a sau khoản 7 Điều 40 (về hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước).

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41 (về thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước).

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45 (về thanh lý tài sản công tại cơ quan nhà nước).

6. Bổ sung Điều 47a vào sau Điều 47 (về Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý).

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 56 (về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh).

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 (Về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê).

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 (về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết).

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 61 (về khấu hao và hao mòn tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập).

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 78 (về hồ sơ, thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng).

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 80 (về phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng).

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 81 (về đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản).

14. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 87 (về hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng).

15. Bổ sung Điều 93a vào sau Điều 93 (về Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý).

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 6, bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 109 (về hình thức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân).

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 110 (về trình tự, thủ tục xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân).

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 113 (về quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai).

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 120 (về quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên).

20. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định trách nhiệm của công chức quản lý thuế để thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật để phục vụ tốt nhất cho việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung nội dung đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, quy định về hóa đơn điện tử, sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để tổ chức các biện pháp quản lý việc thực hiện nghĩa vụ về hóa đơn, chứng từ. Cụ thể hóa nội dung căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính để thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý thuế; trong đó nguồn lực bố trí từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung hiện đại hóa (hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý thuế) không quá 01% trên dự toán thu Ngân sách Nhà nước được Quốc hội giao hằng năm. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Việc quy định nội dung nguồn lực NSNN cho hiện đại hóa công tác quản lý thuế và cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử nhằm thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các giải pháp trọng tâm tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ trong đó quyết

liệt triển khai chuyển đổi số, quy định về hóa đơn điện tử, nhất là đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong thu, chi ngân sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Đây là quy định để bảo đảm nguồn lực cho thực hiện hiện đại hóa ngành Thuế, ngành Hải quan để phục vụ tốt nhất cho việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để thực hiện nhiệm vụ, nguồn thu NSNN hằng năm được Quốc hội giao.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 15

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định trách nhiệm của một số Bộ ngành liên quan (Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan) có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin, kết nối để chia sẻ dữ liệu liên quan đến các đối tượng kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số để phục vụ công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 16

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định đối với quyền của người nộp thuế được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 42

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi quy định liên quan nhà cung cấp ở nước ngoài khi thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác không phân biệt có hay không có cơ sở thường trú tại Việt Nam đều phải kê khai, nộp thuế qua Cổng Thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Bổ sung quy định nguyên tắc một số tổ chức như nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến (bao gồm cả sàn trong nước và nước ngoài), tổ chức có liên quan khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có phát sinh hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và việc trực tiếp khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có phát sinh hoạt động kinh doanh thương mại điện tử để cải cách thủ tục hành chính, tập trung đầu mối kê khai, đáp ứng việc kê khai, nộp thuế phù hợp với đặc thù của hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, đồng thời mở rộng nguồn thu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 59

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi, bổ sung quy định mốc thời gian tính tiền chậm nộp thuế kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo hoặc quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ

quan quản lý thuế đảm bảo thống nhất quy tắc về thời gian tính tiền chậm nộp tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 66

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Đưa đối tượng cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại khoản 7 Điều 124 Luật Quản lý thuế vào khoản 1 Điều 66 Luật Quản lý thuế cho thống nhất, đồng thời bổ sung thêm đối tượng bị tạm hoãn xuất cảnh gồm: cá nhân là đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cá nhân là chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

8. Bãi bỏ khoản 3 Điều 75

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bãi bỏ Khoản 3 Điều 75 Luật Quản lý thuế (các yêu cầu bồi thường của người nộp thuế liên quan đến tiền lãi phải trả của cơ quan thuế thực hiện theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017).

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 76

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định thẩm quyền quyết định hoàn thuế của Cục trưởng Cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực nhằm gắn trách nhiệm của cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế thì cơ quan thuế đó giải quyết việc hoàn thuế.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 90

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung nguyên tắc đối với hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác thực hiện theo quy định của Chính phủ để đảm bảo công bằng và đồng bộ với pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 98 (bổ sung điểm e vào khoản 2; bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4)

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định trách nhiệm cung cấp thông tin đối với cơ quan quản lý căn cước phục vụ cho việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế. Luật hoá quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của các tổ chức cung cấp dịch vụ sản giao dịch thương mại điện tử và tổ chức cung cấp dịch vụ logistic hỗ trợ cho hoạt động thương mại điện tử góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế, chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

12. Bãi bỏ khoản 7 Điều 124

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bãi bỏ quy định khoản 7 Điều 124 Luật Quản lý thuế để thống nhất đối

tượng quy định tại Luật Quản lý thuế trong trường hợp xuất cảnh nhằm nâng cao hiệu quả thu nợ thuế.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 3 Điều 125 và bổ sung điểm d vào khoản 3 Điều 125

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi, bổ sung quy định cơ quan thuế chỉ áp dụng biện pháp (kê biên tài sản và biện pháp Thu bên thứ 3) khi đã có đầy đủ thông tin, điều kiện để thực hiện cưỡng chế không bắt buộc phải thực hiện tất cả các đối tượng, giúp cơ quan thuế tập trung nguồn lực vào các đối tượng trọng tâm trọng điểm có khả năng thu hồi nợ nhằm tăng cường hiệu quả công tác cưỡng chế nợ thuế. Bỏ các quy định mang tính định tính như “một số biện pháp”, “không hiệu quả” vì cơ quan thuế khó xác định và thực hiện. Bổ sung nguyên tắc đối với người nộp thuế có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn thì có thể lựa chọn áp dụng ngay biện pháp cưỡng chế phù hợp trong 7 biện pháp cưỡng chế để kịp thời thu tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dự trữ quốc gia

1. Bãi bỏ tiết b khoản 2 Điều 12.
2. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 13.
3. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 Điều 13.
4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1, khoản 2 Điều 35.
 - a) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1.
 - b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.
2. Đối với quy định tại Điều 4 Luật này áp dụng từ năm ngân sách 2025.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp và quy định chi tiết

1. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung của Luật Chứng khoán như bổ sung quy định chuyển tiếp đối với trái phiếu đã phát hành riêng lẻ trước khi Luật này có hiệu lực,...

a) Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành riêng lẻ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và còn dư nợ đến thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đến khi trái phiếu đáo hạn.

b) Đối với các đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi Luật này có hiệu lực thi hành đã gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán mà chưa hoàn thành việc phân phối trái phiếu thì tiếp tục phân phối trái phiếu theo điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

c) Trường hợp tổ chức đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thì phải thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Kiểm toán độc lập

Các quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 3 Luật này quy định cho các vấn đề: (1) tăng số lượng kiểm toán viên hành nghề tại chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán từ 2 lên thành 5 trong trường hợp chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán có kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng và duy trì số lượng kiểm toán viên hành nghề tại trụ sở chính tối thiểu là 5, bất kể có chi nhánh hay không; (2) bổ sung thêm đơn vị phải được kiểm toán bắt buộc. Để thực hiện các quy định này, các doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề và đơn vị được kiểm toán cần có thời gian chuẩn bị. Do đó, quy định chuyển tiếp theo hướng như sau:

“Trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 3 Luật này phải hoàn thành các công việc cần thiết để thực hiện theo quy định của Luật này.”

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ tám thông qua ngày tháng năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn